

HỌC VIỆN NGÂN HÀNG
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



TIỂU LUẬN KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: Logic Học

ĐỀ TÀI: Tam đoạn luận đơn và các lỗi logic khi vi phạm quy tắc chung cho mọi loại hình tam đoạn luận đơn thông qua các tình huống thực tế

Giảng viên hướng dẫn : Đào Thị Hữu

Sinh viên thực hiện : Trịnh Minh Phương

Lớp : K22LKTC

Mã sinh viên : 22A4060007

Hà nội, ngày 17 tháng 7 năm 2020

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
NỘI DUNG	
Phần I: Cơ sở lý luận : Khái quát về tam đoạn luận đơn	3
I.1. Định nghĩa, cấu trúc của tam đoạn luận đơn.....	3
I.2. Các loại hình tam đoạn luận đơn.....	4
I.3. Các quy tắc của tam đoạn luận đơn.....	4
I.3.1. Ba quy tắc cho thuật ngữ.....	5
I.3.2. Năm quy tắc cho tiền đề.....	6
Phần II: Liên hệ thực tế và liên hệ bản thân	7
II.1. Liên hệ thực tế.....	7
II.2. Liên hệ bản thân.....	10
KẾT LUẬN	12

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong cuộc sống hàng ngày, mọi hoạt động của con người từ đơn giản đến phức tạp đều cần có tư duy. Cùng với sự phát triển của thực tiễn và nhận thức, con người ngày càng có sự hiểu biết đầy đủ, sâu sắc và chính xác hơn về tư duy.

Các hình thức cơ bản của tư duy bao gồm: khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh, bác bỏ, ngụ biện. Trong đó, suy luận là một trong những hình thức quan trọng nhất của tư duy. Nếu như khái niệm hay phán đoán là các hình thức biểu thị tư tưởng thì suy luận lại được xem như một loại hình thức sản sinh ra tư tưởng mới từ những tư tưởng đã có, rút ra tri thức mới từ những tri thức đã biết. Suy luận có hai hình thức chính là suy luận quy nạp và suy luận diễn dịch, trong suy luận diễn dịch có hai dạng là suy luận trực tiếp và suy luận gián tiếp.

Dạng suy luận diễn dịch hay *tam đoạn luận* được nhà triết học Hy Lạp cổ đại Aristote nghiên cứu từ thế kỷ IV TCN. Và cho đến nay, từ cuộc sống thường ngày đến nghiên cứu khó học, tam đoạn luận đơn giữ vai trò quan trọng không thể thay thế.

Nhằm tìm hiểu tầm quan trọng của tam đoạn luận đơn và những lỗi logic thường gặp khi sử dụng hình thức tư duy này trong cuộc sống cũng như trong chuyên ngành khoa học pháp lý, em đã lựa chọn đề tài “Tam đoạn luận đơn và các lỗi logic khi vi phạm quy tắc chung cho mọi loại hình tam đoạn luận đơn thông qua các tình huống thực tế”.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Đề tài nhằm nghiên cứu tam đoạn luận đơn và các lỗi logic thường gặp về toan đoạn luận đơn trong thực tế. Do đó, bài tiểu luận này sẽ tập trung nghiên cứu các vấn đề sau:

- Định nghĩa và cấu trúc của tam đoạn luận đơn;
- Các loại hình và kiểu của tam đoạn luận đơn;
- Các quy tắc chung cho mọi loại hình của tam đoạn luận đơn;
- Lỗi logic khi vi phạm các quy tắc chung của tam đoạn luận đơn trong tình huống thực tế.

3.Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: tam đoạn luận đơn và lỗi logic khi vi phạm các quy tắc chung của tam đoạn luận đơn trong tình huống thực tế.

Phạm vi nghiên cứu: Ở Việt Nam hiện nay

4.Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý luận: quan điểm của logic học hình thức về hình thức và quy luật của tư duy.

Phương pháp nghiên cứu: thống nhất lôgic và lịch sử, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa và hệ thống hóa, phương pháp hình thức hóa.

5.Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

Về ý nghĩa lý luận, bài tiểu luận nêu lên khái quát về tam đoạn luận đơn và các quy tắc chung cho mọi loại hình của tam đoạn luận đơn. Về ý nghĩa thực tiễn, bài tiểu luận đưa ra ví dụ từ đó phân tích làm rõ vai trò của tam đoạn luận đơn và các lỗi logic thường gặp trong cuộc sống hằng ngày, đặc biệt là trong khoa học pháp lý.

NỘI DUNG

Phần I. Cơ sở lý luận: Khái quát về tam đoạn luận đơn

I.1. Định nghĩa, cấu trúc của tam đoạn luận đơn

Nếu cho ngày từ đầu một đỉnh nghĩa về tam đoạn luận đơn, thì nó cũng không khác gì hơn đỉnh nghĩa về suy luận diễn dịch, do đó, ta sẽ cho định nghĩa thông qua cấu tạo của nó.

Cấu tạo của tam đoạn luận đơn bao gồm: 2 tiền đề và 1 kết luận, 3 thuật ngữ: lớn, nhỏ và giữa. Trong đó:

- Chủ từ của kết luận gọi là thuật ngữ nhỏ, kí hiệu: S

- Vị từ của kết luận gọi là thuật ngữ lớn, kí hiệu: P

- Thuật ngữ xuất hiện ở cả tiền đề lớn và tiền đề nhỏ nhưng không xuất hiện ở kết luận gọi là thuật ngữ giữa, kí hiệu: M

Ví dụ: Mọi người đều phải chết. (Tiền đề lớn)

M P

Socrat là người. (Tiền đề nhỏ)

S M

Socrat phải chết. (Kết luận)

S P

Khi đó, có thể định nghĩa tam đoạn luận đơn như sau: Tam đoạn luận là suy luận trong đó dựa vào mối quan hệ trực tiếp giữa M với P và M với S ở tiền đề để rút ra quan hệ gián tiếp giữa S và P ở kết luận. Như vậy, M là cầu nối giữa S và P, nếu vì lý do nào đó nó không thực hiện được chức năng này thì tam đoạn luận coi như không xây dựng được.

Có thể nói tam đoạn luận là một phát minh lớn của Aristote. Trong thuyết logic học của mình, ông đã xây dựng tam đoạn luận làm cơ sở cho chứng minh: “Cần phải nói về tam đoạn luận trước khi nói về chứng minh, bởi tam đoạn luận là một cái gì đó chung hơn và chứng minh là một loại tam đoạn luận nào đó, nhưng không phải tam đoạn luận nào cũng là chứng minh.”

I.2.Các loại hình tam đoạn luận đơn

Căn cứ vào các vị trí của M, tam đoạn luận đơn được chia làm 4 loại hình.

I.2.1.Loại hình I: M làm chủ từ ở tiền đề lớn và vị từ ở tiền đề nhỏ

Ví dụ:

Mọi giáo sư là nhà khoa học.	M ——— P
Ngô Bảo Châu là giáo sư.	S ——— M
Ngô Bảo Châu là nhà khoa học.	S ——— P

I.2.2.Loại hình II: M làm vị từ ở cả hai tiền đề

Ví dụ:

Mọi sinh viên ngành luật đều phải học logic học.	P ——— M
Phương không phải học logic học.	S ——— M
Phương không phải sinh viên ngành luật.	S ——— P

I.2.3.Loại hình 3: M làm chủ từ ở cả hai tiền đề

Ví dụ:

Anh Lâm là luật sư.	M ——— P
Anh Lâm là người hiểu biết pháp luật.	M ——— S
Có những người hiểu biết pháp luật là luật sư.	S ——— P

I.2.4.Loại hình 4: M làm vị từ ở tiền đề lớn, chủ từ ở tiền đề nhỏ

Ví dụ:

Một số nhà khoa học là giáo sư.	P ——— M
Tất cả các giáo sư có chuyên môn sâu.	M ——— S
Một số người có chuyên môn sâu là nhà khoa học.	S ——— P

I.3.Các quy tắc của tam đoạn luận đơn

Các quy tắc của tam đoạn luận được chia thành hai nhóm: quy tắc chung cho mọi loại hình và riêng cho từng loại hình. Bài tiểu luận này tập trung nghiên

cứu về nhóm quy tắc chung. Có tất cả 8 quy tắc như thế, trong đó có 3 quy tắc cho thuật ngữ và 5 quy tắc cho tiền đề.

I.3.1. Ba quy tắc cho thuật ngữ

a) Trong tam đoạn luận chỉ được phép có ba thuật ngữ (S, M, P)

Việc vi phạm quy tắc này dẫn đến lỗi *sinh thêm thuật ngữ*. Ví dụ, từ hai tiền đề “Sinh viên khoa luật lập luận giỏi” và “Sinh viên khoa kế toán rất xinh” ta không thu được bất kỳ kết luận nào bởi ở đây có tới 4 thuật ngữ, 2 chủ từ, 2 vị từ trong khi không có thuật ngữ giữa gắn kết hai phán đoán với nhau.

b) Thuật ngữ giữa phải chu diên ít nhất một lần ở một trong hai tiền đề

Nếu quy tắc này bị vi phạm thì mối liên hệ giữa thuật ngữ lớn và thuật ngữ nhỏ không xác định. Nói cách khác, kết luận không tất suy logic từ các tiền đề.

Ví dụ:

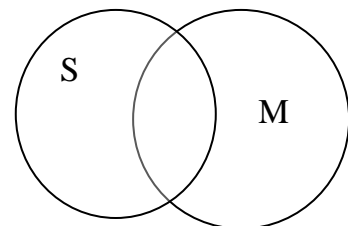
<u>Mọi luật sư đều hiểu biết pháp luật.</u>	
P ⁺	M ⁻
<u>Anh Nam là người hiểu biết pháp luật.</u>	
S ⁺	M ⁻
<hr/>	
<u>Anh Nam là luật sư.</u>	
S ⁺	P ⁻

⇒ Kết luận không xác định vì anh Nam có thể không phải là luật sư. Nguyên nhân là do M đều không chu diên ở cả hai tiền đề.

c) Nếu thuật ngữ không chu diên ở tiền đề thì cũng không được chu diên ở kết luận

Ví dụ:

<u>Mọi giáo sư đều là giảng viên.</u>	
M ⁺	P ⁻
<u>Ông An không là giáo sư.</u>	
S ⁺	M ⁺
<hr/>	
<u>Ông An không là giảng viên.</u>	
S ⁺	P ⁺



⇒ Kết luận trên là sai. Ông An có thể không là giáo sư nhưng vẫn là giảng

viên và nguyên nhân là do P không chu diên ở tiền đề mà lại chu diên ở kết luận.

I.3.2. Năm quy tắc cho tiền đề

a) Nếu hai tiền đề phán đoán đều là phán đoán phủ định thì không rút ra kết luận.

Ví dụ: Dạy học không phải là công việc lao động chân tay.

Dạy học không phải là công việc dễ dàng.

Ta không thể rút ra kết luận từ hai tiền đề trên do ở các phán đoán phủ định, thuật ngữ giữa không thể gắn kết các chủ từ và vị từ, nó không thực hiện được chức năng làm cầu nối giữa S và P.

b) Nếu một tiền đề là phủ định thì kết luận cũng phải là phủ định

Quy tắc này thể hiện tính nhất quán, phi mâu thuẫn trong suy luận bởi nếu có một tiền đề phủ định mà kết luận là khẳng định thì tư duy sẽ gặp phải mâu thuẫn logic.

c) Nếu hai tiền đề cùng là phán đoán bộ phận thì không rút được kết luận

Vì có thể S và P chỉ rõ ràng liên quan đến nhau một phần thông qua M, phần còn lại không xác định được. Do đó, kết luận thu được không tất yếu đúng.

d) Nếu một tiền đề là phán đoán bộ phận thì kết luận cũng phải là phán đoán bộ phận

Ví dụ: Một số sinh viên là Đảng viên.

Mọi Đảng viên đều có thể Đảng.

Một số người có thể Đảng là sinh viên.

e) Nếu hai tiền đề là phán đoán khẳng định thì kết luận phải là khẳng định

Ví dụ: Mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng.

Người da đen cũng là người.

Người da đen cũng có quyền bình đẳng

Phần II: Liên hệ thực tế và liên hệ bản thân

II.1.Liên hệ thực tế: Các lỗi logic khi vi phạm các quy tắc chung cho mọi loại hình tam đoạn luận đơn

Tam đoạn luận đơn chịu sự chi phối của nhiều yếu tố: các thuật ngữ, các tiền đề và hình thức cấu tạo của mỗi loại hình tam đoạn luận. Do đó, nó đòi hỏi phải tuân theo những quy tắc nhất định. Trong khoa học pháp lý, nếu kết luận của suy luận là chắc chắn nghĩa là đi đến một kết luận trong mọi trường hợp thì lập luận được xem là đúng hay “có hiệu lực”. Ngược lại, nếu có một trường hợp mà kết luận không thể đạt được, lập luận sai hay “không có hiệu lực”. Dưới đây là một số ví dụ về vi phạm quy tắc chung cho mọi loại hình tam đoạn luận đơn trong thực tế.

Ví dụ 1: Rất nhiều sinh viên khoa Luật khi học môn “Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật” thường có suy luận như sau: *“Vi phạm pháp luật phải là hành vi có lỗi, mà hành vi do người tâm thần gây ra không là hành vi có lỗi. Do vậy, mọi hành vi do người tâm thần gây ra không phải là hành vi vi phạm pháp luật.”* Suy luận trên sai do những sinh viên này đã dùng tam đoạn luận đơn để suy luận nhưng lại vi phạm quy tắc chung cho thuật ngữ do có tới 4 thuật ngữ được sử dụng: “vi phạm pháp luật”, “hành vi do người tâm thần gây ra”, “hành vi có lỗi”, “hành vi vi phạm pháp luật”.

Ví dụ 2: Trong mục “chat” với bạn đọc trên báo Pháp luật Tp.HCM số 592 ngày 2/5/2002 đăng bài của thẩm phán Nguyễn Ngọc Quang, Phó chánh án TAND tỉnh Bình Thuận với đầu đề “Thẩm phán khổ lắm” với nội dung cơ bản về vụ án như sau: A là công nhân. B là cô gái bán cà phê chưa đủ 16 tuổi (là trẻ em theo BLHS). Hai người quen nhau đã lâu. Một hôm A sang quán B chơi, thấy quán không có ai bèn nắm tay B, B cho nắm. Ôm ngang lưng rồi ôm vai, B cũng cho luôn. A cởi cúc áo sờ ngực B, B cũng không phản đối. A bèn kéo B...ra phía sau quán. Đến lúc này B phản đối, sau đó làm đơn kiện rằng A hiếp dâm B. Công tác điều tra làm rõ A không có hành vi hiếp dâm

nhưng lời khai của A và B về các hành vi của A là trùng khớp nhau như mô tả ở trên. Trong hồ sơ của cơ quan điều tra ghi: "A đã có hành vi sờ mó bộ phận sinh dục của B" và vì vậy Cơ quan điều tra khẳng định A đã có hành vi dâm ô đối với trẻ em nên đề nghị VKS truy tố A theo tội dâm ô đối với trẻ em (tại thời điểm xử án, đây là tội danh được quy định trong BLHS 1999). VKS đồng quan điểm với Cơ quan điều tra và đã truy tố A theo tội danh này.

Trước Toà, Luật sư bào chữa cho A lại lập luận rằng, không thể kết luận thân chủ của ông phạm tội này được bởi không có cơ sở để coi hành vi của thân chủ của ông là hành vi dâm ô vì từ trước đến nay luật nước ta chưa hề đưa ra định nghĩa thế nào là bộ phận sinh dục, hoặc quy định bộ phận nào là bộ phận sinh dục.

Đại diện VKS đáp trả: "Ngực con người là bộ phận sinh dục chứ không việc gì phải bàn cãi nữa."

Luật sư phản đối: "Ông nói vậy đâu được. Này nhé, nếu anh em cán bộ cơ quan ông cởi trần đánh bóng chuyền, bà con đi biển về thấy thế nói rằng: "Ồ, mấy ông cán bộ VKS để bộ phận sinh dục ra ngoài trông bất lịch sự quá" thì ông có chịu không?"

Đại diện VKS phản ứng: "Nhưng ngực anh em cơ quan tôi là ngực đàn ông, còn đây là ngực đàn bà cơ mà. Ngực đàn bà không phải là ngực đàn ông, thưa ông Luật sư."

LS đáp trả: "Và thưa ông đại diện VKS, do vậy mà ông suy ra, ngực đàn bà là bộ phận sinh dục chứ gì?"

Kết thúc bài viết này thẩm phán Nguyễn Ngọc Quang viết: Chúng tôi ngồi ở giữa và quả thật cảm thấy rất lúng túng, rất khổ. Cho nên đành phải tìm cách hoãn phiên toà và sau đó thận trọng làm một văn bản trưng cầu ý kiến cấp trên.

Tạm gác việc trong luật tại thời điểm xử án, việc đưa ra các định nghĩa về bộ

phận sinh dục hay ngực con người nói chung và ngực phụ nữ nói riêng có phải là bộ phận sinh dục không còn chưa rõ ràng, thì suy luận của vị đại diện VKS trong trường hợp này là không logic. Có thể khái quát suy luận của vị này như sau: Ngực đàn ông không phải là bộ phận sinh dục.

Ngực phụ nữ không phải là ngực đàn ông.

Ngực phụ nữ là bộ phận sinh dục.

Kết luận này sai do đã vi phạm quy tắc chung cho tiền đề của tam đoạn luận: nếu hai tiền đề phán đoán đều là phán đoán phủ định thì không rút ra kết luận.

Một tình huống khác: Khi vụ án Z và đồng bọn đang diễn tiến, phóng viên báo T gặp một quan chức cao cấp nọ để lấy thông tin cho bài viết. Khi trả lời phỏng vấn, quan chức này có nói: “Tôi biết nhiều người còn cao hơn cả ông H cũng có những hành vi tiêu cực dính líu đến vụ án Z và đồng bọn”. Sau khi báo đăng bài có đoạn như vừa nói ở trên thì gây nên sự phẫn nộ trong dư luận. Dưới áp lực của dư luận, phóng viên đến gặp lại quan chức nói trên để làm sáng tỏ nhiều người “cao hơn cả ông H” ấy là ai. (Được biết ông H lúc ấy là Thứ trưởng. Cũng được biết, cao hơn Thứ trưởng phải là các Bộ trưởng, các phó Thủ tướng, Thủ tướng, phó Chủ tịch Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội, phó Chủ tịch, Chủ tịch Nước...). Phóng viên đặt câu hỏi: “Thưa ông, trong bài phỏng vấn hôm trước, ông có nói rằng ông biết nhiều người còn cao hơn cả ông H cũng có những hành vi tiêu cực dính líu đến vụ án Z và đồng bọn. Xin ông cho biết họ là những ai?”

Nếu không chỉ ra được ai trong những người nói trên thì sẽ mắc tội vu khống, mà chỉ ra được thì e rằng cũng quá bất lợi cho ông ta và cho nhiều người khác nữa trong nhiều vấn đề. Rơi vào thế lưỡng nan, ông ta bèn nói : “Tôi nói cao hơn ở đây là cao hơn về mặt hình thể ấy mà!”

Trong ví dụ này, thuật ngữ “cao hơn ông H” được hiểu theo hai cách, một là cao hơn về vị trí chức vụ, một là cao hơn về mặt hình thể. Do đó, lời

nói của vị quan chức trên cũng mắc lỗi logic khi vi phạm quy tắc chung cho thuật ngữ.

Ta có thể gặp rất nhiều các lỗi logic khi vi phạm các quy tắc chung cho mọi loại hình tam đoạn luận đơn từ cuộc sống hàng ngày, trong các bài báo hay các hoạt động tranh tụng trên tòa,... Trong các lập luận ấy, người đọc, người nghe tưởng chừng là logic nhưng thực ra là phi logic và kết luận được rút ra trong những lập luận ấy tưởng chừng là đúng, nhưng thật ra là sai lầm. Ví dụ, có người lập luận: Vận chuyển trái phép chất ma túy là có hành vi trái pháp luật. Mà Năm Cam vận chuyển chất ma túy. Vậy, chắc chắn Năm Cam có hành vi vi phạm pháp luật.

II.2. Liên hệ bản thân

Với cương vị là một sinh viên chuyên ngành luật, em nhận thấy việc vận dụng tư duy logic, đặc biệt là sử dụng tam đoạn luận đơn trong suy luận là một bước quan trọng trong việc xem xét một tranh chấp, một vụ án, thậm chí là trong một bản án. Qua tìm hiểu, nghiên cứu, em nhận thấy ở Việt Nam sử dụng tam đoạn luận đơn trong tư duy thụ lý vụ án, trong hoạt động tranh tụng là khá phổ biến nhưng lại hiếm gặp hơn trong việc viết bản án. Trong khi đó, việc áp dụng tam đoạn luận trong viết bản án ở Hàn Quốc, Pháp đã tạo ra những bản án chất lượng.

Do Hàn Quốc theo Hệ thống pháp luật Châu Âu lục địa, nhìn chung bản án của Tòa án được viết theo cấu trúc tam đoạn luận (tiền đề lớn – tiền đề nhỏ - kết luận) theo từng vấn đề tranh cãi. Cụ thể:

-Tiền đề lớn: Đưa ra nguyên tắc pháp lý – giải quyết vấn đề pháp lý:

-Tiền đề nhỏ: Tình tiết của vụ án

-Kết luận của vụ án: Kết luận sau khi đưa tình tiết của vụ án vào nguyên tắc pháp lý.

Tương tự, ở Pháp trong phần nhận định của bản án, tam đoạn luận tư pháp có

thể áp dụng cho từng yêu cầu:

-Đại tiền lớn: Nêu quy định pháp luật có thể áp dụng.

-Tiểu tiền nhỏ: Xem xét các sự việc tương ứng với việc áp dụng quy định pháp luật này.

-Kết luận: Hệ quả về tính có căn cứ của yêu cầu.

Nhận thấy việc vận dụng tam đoạn luận của Arixtốt trong viết bản án ở các quốc gia trên đã tạo ra những bản án có chất lượng, những nguyên tắc pháp lý được vạch ra một cách rành mạch cùng với những lập lập có tính logic rất cao mà chúng ta cần tham khảo.

KẾT LUẬN

Logic học, cụ thể hơn là tam đoạn luận đơn luôn luôn có ích và cần thiết đối với mọi người. Nó giúp ta nâng cao trình độ tư duy để có được tư duy khoa học một cách tự giác, nhờ đó chủ động tránh được những sai lầm không đáng có. Trong hoạt động pháp lý, tam đoạn luận cũng là công cụ hữu hiệu để tranh luận, phản bác một cách thuyết phục trước những lập luận mâu thuẫn, ngụy biện, thiếu căn cứ của đối phương. Có kiến thức về tam đoạn luận giúp ta diễn đạt ý nghĩ được rõ ràng, mạch lạc, không mâu thuẫn, tránh được những sai lầm khi tham gia tranh luận và nghiên cứu khoa học.

Tài liệu tham khảo

Tài liệu tiếng Việt

1. Giáo trình logic học đại cương, nxb đại học quốc gia Hà Nội, 2013
2. Bộ luật dân sự 2015
3. Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi 2017
4. Nguyễn Gia Thợ, Vũ Thị Thu Hương, Tam đoạn luận trong học thuyết logic của Aristote-một công cụ của nhận thức của khoa học, 2013

Tài liệu trực tuyến

1. <https://123doc.net/document/4648188-tieu-luan-logic-hoc.htm>
2. <http://philosophy.vass.gov.vn/>
3. <https://sites.google.com/site/ahdandthelaw/luat-hinh/2-logic-hoc-va-phap-luat-p2>
4. <http://hocvientuphap.edu.vn/>